

Số: 3014/2005/QĐ-UBND

*Huế, ngày 25 tháng 8 năm 2005*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế Quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 70/2003/NĐ-CP ngày 17/6/2003 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 04/2002/QĐ-BTS ngày 24/01/2002 của Bộ Thủy sản về việc ban hành Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung;

Căn cứ Quyết định số 4257/QĐ-UB ngày 16/12/2004 UBND Tỉnh về việc ban hành danh mục các văn bản quy phạm pháp luật năm 2005;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Thủy sản,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của UBND Tỉnh trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện vùng đầm phá ven biển, Giám đốc các Sở: Thủy sản, Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Thiện**

**QUI CHẾ**  
**QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÙNG NUÔI TÔM TẬP TRUNG**  
**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

( Ban hành kèm theo Quyết định số 3014/2005/QĐ-UBND ngày 25/8/2005  
của UBND Tỉnh )

**CHƯƠNG I: QUI ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quy chế này quy định nội dung quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, nhằm mục đích phát triển nuôi tôm bền vững.

**Điều 2.** Đối tượng và phạm vi áp dụng.

1. Các tổ chức, cá nhân nuôi tôm và các tổ chức, cá nhân có những hoạt động khác liên quan đến môi trường nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi là cơ sở).

2. Các cơ quan quản lý liên quan, các dự án phát triển nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3.** Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vùng nuôi tôm tập trung*: Là vùng nuôi tôm có qui mô diện tích từ 20 ha trở lên, có cùng các yếu tố về hạ tầng như giao thông, hệ thống cấp nước và xử lý nước,... độc lập hoặc tương đối độc lập.

2. *Quản lý vùng nuôi tôm tập trung*: Là biện pháp kiểm soát các hoạt động trong nuôi tôm, bao gồm từ khâu chọn địa điểm để xây dựng ao nuôi, cải tạo ao, xử lý nước, thả giống, chăm sóc, phòng trừ bệnh dịch đến thu hoạch tôm thương phẩm.

3. *Hệ thống xử lý nước*: Bao gồm *ao lắng* để chứa và làm sạch nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi; *ao chứa nước thải* để xử lý làm giảm thiểu ô nhiễm trong nước thải trước khi xả ra môi trường xung quanh.

4. *Chất thải*: Các chất thải từ hoạt động nuôi tôm, bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng như: thức ăn thừa, phân tôm, xác tôm chết, dư lượng các loại thuốc, hoá chất phòng trị bệnh cho tôm, chế phẩm sinh học và các chất xử lý môi trường ao nuôi, nước thải từ ao nuôi.

5. *Vùng nuôi hạ triều*: Là vùng ngập nước thường xuyên hoặc không thường xuyên ven đầm phá, ao nuôi không thể phơi khô đáy để tiến hành xử lý bảo đảm theo quy trình kỹ thuật nuôi bán thâm canh hoặc thâm canh. Thông thường vùng nuôi hạ triều là vùng mặt nước đầm phá bên ngoài đê ngăn mặn, các ô, bàu ven đầm phá.

6. *Vùng nuôi cao triều*: Là vùng đất không ngập nước ven đầm phá, ao nuôi có thể phơi khô đáy để tiến hành xử lý bảo đảm theo quy trình kỹ thuật

nuôi bán thâm canh hoặc thâm canh. Thông thường vùng nuôi cao triều là vùng đất ven đầm phá bên trong đê ngăn mặn, vùng đất các cồn trên đầm phá, vùng đất cát ven biển.

## **CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÙNG NUÔI TẬP TRUNG**

**Điều 4.** Các dự án đầu tư nuôi tôm phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về đánh giá tác động môi trường.

**Điều 5.** Quy định về việc xây dựng ao nuôi tôm.

Ngoài thực hiện theo qui định tại Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 04/2002/QĐ-BTS ngày 24/01/2002 của Bộ Thủy sản, việc xây dựng ao hồ nuôi tôm còn phải thoả mãn một số yêu cầu sau:

- Việc xây dựng ao hồ nuôi tôm phải đảm bảo theo quy hoạch chung của tỉnh, huyện, quy hoạch chi tiết của xã (nếu có) và phải có *hệ thống xử lý nước*.
- Việc xây dựng ao nuôi phải đảm bảo đúng diện tích đã được cấp, không coi nới, lấn chiếm hoặc sử dụng vào mục đích khác.

**Điều 6.** Các quy định đối với hoạt động nuôi tôm.

6.1. Thời vụ nuôi.

Việc thả nuôi phải bảo đảm tuân theo khung lịch thời vụ và hướng dẫn hàng năm của Sở Thủy sản.

6.2. Tôm giống.

Việc sản xuất, ương, kinh doanh, vận chuyển tôm giống phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Chất lượng tôm giống phải bảo đảm quy định theo tiêu chuẩn Ngành. Tôm giống trước khi đưa vào nuôi phải được kiểm tra dịch bệnh qua máy PCR và có xác nhận của Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

6.3. Mật độ tôm giống thả:

- Nuôi vùng hạ triều: Dưới 10 con  $P_{15}/m^2$  (tôm sú)
- Nuôi vùng cao triều: Từ 10 đến 20 con  $P_{15}/m^2$  đối với nuôi bán thâm canh và 25 đến 40 con  $P_{15}/m^2$  đối với nuôi thâm canh (tôm sú).
- Trường hợp nuôi các loại tôm khác như: tôm rảo, tôm rằn,..thì mật độ tôm giống thả nuôi phải theo sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản.

6.4. Thức ăn.

Khuyến khích sử dụng thức ăn công nghiệp có chất lượng đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn ngành 28 TCN 102:2004 (thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm sú). Không sử dụng thức ăn tươi, sống.

6.5. Thuốc và hoá chất sử dụng trong nuôi tôm.

Việc kinh doanh thuốc, hoá chất phải đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Thủy sản tại Quyết định số 03/2002/QĐ-BTS ngày 23/01/2002 về việc ban hành Quy chế Quản lý thuốc thú y thủy sản.

Các loại thuốc, hoá chất đưa vào sử dụng và kinh doanh trong nuôi tôm không nằm trong danh mục cấm của Bộ Thủy sản tại Quyết định số

07/2005/QĐ-BTS ngày 24/02/2005 và theo danh mục được bổ sung hàng năm của Bộ Thủy sản.

Hạn chế việc sử dụng thuốc kháng sinh, khi cần thiết phải sử dụng thuốc kháng sinh phải theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản và phải ngừng sử dụng thuốc kháng sinh 4 tuần trước khi thu hoạch tôm thương phẩm.

Khuyến khích sử dụng các chế phẩm sinh học hoặc các chất xử lý, cải thiện môi trường trong quá trình nuôi.

**Điều 7. Bảo vệ môi trường vùng nuôi tôm tập trung.**

Phải giữ vệ sinh chung trong và ngoài vùng nuôi tôm tập trung; rác thải, bùn hữu cơ trong quá trình cải tạo, làm vệ sinh sau khi thu hoạch tôm thương phẩm phải đưa đi xa vùng nuôi và đổ tại nơi qui định. Quá trình vận chuyển chất thải phải không để rơi vãi. Tuyệt đối không vớt các chất thải, hóa chất độc hại (thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ,..) ở trong vùng nuôi.

Quá trình nuôi, khi phát hiện tôm nuôi có hiện tượng nhiễm bệnh, chủ ao nuôi phải báo cho UBND xã hoặc Trạm Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Trạm Khuyến ngư trên địa bàn. Chủ ao nuôi phải nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong việc xử lý bệnh tôm, nghiêm cấm việc tháo nước từ ao nuôi tôm bị bệnh ra môi trường chung quanh.

Trường hợp tôm trong ao nuôi bị bệnh nhưng chủ nuôi cố tình không báo, tự ý thải nước từ ao nuôi ra môi trường sẽ bị xử phạt theo quy định hiện hành, nếu cố ý gây hậu quả nghiêm trọng hoặc tái phạm sẽ bị cấm nuôi 1 đến 2 vụ, hoặc bị thu hồi đất, mặt nước.

**Điều 8. Tổ chức sản xuất và quản lý trong vùng nuôi tôm tập trung.**

Khuyến khích thành lập các hợp tác xã nuôi tôm ở các vùng nuôi tập trung. Đối với vùng nuôi tôm tập trung chưa có tổ chức quản lý như doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, thì các hộ nuôi phải tổ chức thành các tổ hợp tác, tổ tự quản..., để thực hiện quản lý vùng nuôi theo Quy chế này.

### **CHƯƠNG III: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CƠ SỞ NUÔI TÔM**

**Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thủy sản.**

- Hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc (Trung tâm Khuyến ngư, Chi Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản) kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế của các cơ sở và chủ nuôi tôm thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc xây dựng mạng lưới quan trắc, cảnh báo môi trường, qui hoạch và đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng nuôi.
- Phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện trong qui hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản của các xã. Phối hợp trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng nuôi tập trung đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Hướng dẫn khung lịch thời vụ nuôi tôm hàng năm.
- Chỉ đạo Chi Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thực hiện trách nhiệm:

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan, UBND các huyện, UBND các xã triển khai thực hiện Quy chế này.

+ Quan trắc môi trường vùng đầm phá và thông báo định kỳ cho cơ sở.

+ Kiểm dịch tôm giống và kiểm soát dịch bệnh theo các qui định hiện hành.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến ngư:

+ Thực hiện các hoạt động khuyến ngư, nhằm hỗ trợ các hoạt động quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung.

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình nuôi tôm đạt hiệu quả cao, ổn định, bền vững.

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan và chính quyền địa phương trong việc thực hiện Quy chế này

**Điều 10.** Trách nhiệm của UBND các huyện có liên quan:

- Chỉ đạo UBND các xã triển khai thực hiện và giám sát Quy chế này.

- Có kế hoạch phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác phòng trừ bệnh dịch thủy sản.

**Điều 11.** Trách nhiệm của UBND các xã:

- Giám sát việc thực hiện Quy chế này.

- Tổ chức và hướng dẫn hoạt động các tổ hợp tác, tổ tự quản,... ở vùng nuôi tôm tập trung trên địa bàn, bảo đảm việc thực hiện Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi.

- Hướng dẫn tổ hợp tác, tổ tự quản vận động hoặc có quy ước việc người nuôi tôm có trách nhiệm xây dựng *quỹ bảo vệ môi trường* vùng nuôi tôm tập trung để kịp thời xử lý các tình huống khi có bệnh dịch xảy ra, giảm rủi ro và hạn chế thiệt hại cho cộng đồng vùng nuôi, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của người nuôi tôm trong bảo vệ môi trường vùng nuôi.

Trên cơ sở đề cao vai trò của người dân trong việc quản lý dựa vào cộng đồng, tuyên truyền ý thức tự giác, trách nhiệm của người nuôi trong bảo vệ môi trường vùng nuôi nhằm quản lý vùng nuôi tôm tập trung một cách có hiệu quả.

**Điều 12.** Trách nhiệm của cơ sở, chủ nuôi tôm:

- Quán triệt và thực hiện đầy đủ nội dung của Quy chế này và quy định cụ thể của HTX, tổ hợp tác, tổ tự quản về quản lý vùng nuôi tập trung trên địa bàn.

- Cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về môi trường, dịch bệnh cho cán bộ kỹ thuật và các cơ quan chức năng khi được yêu cầu.

- Kịp thời ngăn chặn và phản ánh với cơ quan chức năng, khi phát hiện các hành vi vi phạm.

- Khi có dịch bệnh xảy ra, phải phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng để tìm biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế thiệt hại.

**Điều 13.** Trách nhiệm của hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản vùng nuôi tôm tập trung:

- Phổ biến Quy chế này đến từng cơ sở và từng chủ nuôi trong khu nuôi tập trung. Tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Quy chế này.

- Xây dựng quy ước cụ thể về quản lý môi trường vùng nuôi tập trung của đơn vị (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản). Tổ chức thu, sử dụng đúng mục đích Quỹ bảo vệ môi trường vùng nuôi tôm tập trung.

- Cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình nuôi, diễn biến môi trường, dấu hiệu bệnh của các ao nuôi trong vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng liên quan hoạt động khi có yêu cầu. Phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý môi trường và dịch bệnh tôm.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan trong việc mở rộng thủy đạo theo quy hoạch được duyệt.

- Báo cáo kịp thời và đề xuất hình thức xử lý các vi phạm trên địa bàn.

**Điều 14.** Trách nhiệm của các cơ sở dịch vụ liên quan đến nuôi tôm:

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ liên quan đến vùng nuôi tôm tập trung chỉ được phép lưu hành, cung ứng các mặt hàng đã được Nhà nước kiểm định, kiểm dịch. Không lưu hành, mua bán các loại thức ăn, chế phẩm sinh học, hoá chất, thuốc thú y thủy sản nằm trong danh mục cấm của Bộ Thủy sản.

2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ nêu ở khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật các hậu quả do mình gây ra.

#### **CHƯƠNG IV: XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI TỐ CÁO**

**Điều 15.** Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của Pháp luật.

**Điều 16.** Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với chính quyền địa phương những cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này gây hậu quả xấu. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

#### **CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 17.** Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, UBND các huyện, xã có liên quan, Sở Thủy sản có trách nhiệm tập hợp, báo cáo UBND Tỉnh để xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT/CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Ngọc Thiện**

## CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

Quy chế này được xây dựng căn cứ vào các Quyết định, các văn bản đã được cấp có thẩm quyền ban hành gồm:

1. Quyết định số 04/2002/QĐ-BTS của Bộ trưởng Bộ Thủy sản “ Về việc ban hành Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung”;
2. Tiêu chuẩn ngành (28 TCN 124:1998) về tôm giống P15 thả nuôi;
3. Tiêu chuẩn ngành (28 TCN 96:1996) về tôm giống P25-P35 thả nuôi;
4. Tiêu chuẩn ngành (28 TCN 110: 1998) Qui trình công nghệ nuôi tôm sú, tôm he bán thâm canh;
5. Tiêu chuẩn ngành (28 TCN 171:2001) Qui trình công nghệ nuôi thâm canh tôm sú;
6. Quyết định số 07/2005/QĐ-BTS ngày 24/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản “ Về việc cấm sử dụng một số hoá chất, kháng sinh trong sản xuất, kinh doanh thủy sản ”;
7. Quyết định số 03/2002/QĐ-BTS ngày 23/01/2002 của Bộ trưởng Bộ thủy sản “ Về việc ban hành Quy chế Quản lý thuốc thú y thủy sản ”;
8. Quyết định số 17/2002/QĐ-BTS ngày 24/5/2002 của Bộ trưởng Bộ thủy sản “Về việc ban hành Danh mục thuốc thú y thủy sản được phép sử dụng và hạn chế sử dụng trong nuôi trồng thủy sản”;
9. Nghị định số 70/2003/NĐ-CP ngày 17/6/2003 của Chính phủ “ Qui định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản ”;
10. Định mức kinh tế kỹ thuật nuôi thương phẩm tôm sú.